

BẢNG HỎI VỀ VIỆC NHẬN CON NUÔI I

Hướng dẫn: Xin trả lời các câu hỏi sau nếu áp dụng trong trường hợp của quý vị. Hầu hết các câu hỏi có từ hai câu trả lời trở lên. Xin quý vị đánh dấu vào tất cả những câu trả lời phù hợp.

VIẾT HOA TÊN:

NGÀY:

1. Ai là người nuôi dưỡng chính của quý vị?

- | | | |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Cha mẹ | <input type="checkbox"/> Cha dưỡng | <input type="checkbox"/> Cha mẹ nuôi tạm thời |
| <input type="checkbox"/> Cha | <input type="checkbox"/> Ông bà ngoại | <input type="checkbox"/> (Các) tổ chức nuôi dưỡng |
| <input type="checkbox"/> Mẹ | <input type="checkbox"/> Ông bà nội | <input type="checkbox"/> (Những) người giám hộ pháp định |
| <input type="checkbox"/> Mẹ và cha dưỡng | <input type="checkbox"/> Cô, dì và/hoặc chú, bác | <input type="checkbox"/> Người khác: |
| <input type="checkbox"/> Cha và mẹ kế | <input type="checkbox"/> Anh chị ruột | _____ |
| <input type="checkbox"/> Mẹ kế | <input type="checkbox"/> Cha mẹ nuôi | _____ |

2. Quý vị có bị tách khỏi cha, mẹ hoặc cả hai người đó từ khi còn nhỏ vì một trong những lý do sau không?

- | | | |
|---|--|---|
| <input type="checkbox"/> Không bị tách | <input type="checkbox"/> Cha mẹ phải nằm viện lâu dài | <input type="checkbox"/> Được cảnh sát hoặc các dịch vụ xã hội mang đi khỏi nhà |
| <input type="checkbox"/> Cha mẹ ly thân | <input type="checkbox"/> Cha mẹ phục vụ trong quân đội | <input type="checkbox"/> Lý do khác: |
| <input type="checkbox"/> Cha mẹ ly dị | <input type="checkbox"/> Cha mẹ bị tù | _____ |
| <input type="checkbox"/> Cha mẹ qua đời | | |
| <input type="checkbox"/> Bị cha mẹ bỏ rơi | | |

3. Quý vị lên mấy tuổi khi rời khỏi nhà cha mẹ/(những) người nuôi dưỡng chính của mình?

- _____ tuổi
- Hiện nay tôi đang sống với cha mẹ hoặc (những) người nuôi dưỡng chính của mình

4. Hoàn cảnh nào khiến quý vị rời khỏi nhà?

5. Trong gia đình, quý vị là con thứ mấy?

- Con một
- Thứ _____ trong số _____ con

6. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất quan hệ giữa quý vị và mẹ khi quý vị còn nhỏ:

- | | | | |
|--|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Không có quan hệ gì | <input type="checkbox"/> Ấm áp | <input type="checkbox"/> Nhất quán | <input type="checkbox"/> Khó lường |
| <input type="checkbox"/> Bị ngược đãi | <input type="checkbox"/> Dịu dàng | <input type="checkbox"/> Xa cách/Không liên quan | <input type="checkbox"/> Thường xuyên xung đột |
| <input type="checkbox"/> Lý tưởng hóa | <input type="checkbox"/> Ngọt ngào | <input type="checkbox"/> Giả dối | <input type="checkbox"/> Thoải mái |
| <input type="checkbox"/> Hờ hững | <input type="checkbox"/> Hay tâm sự | <input type="checkbox"/> Căng thẳng | <input type="checkbox"/> Yêu thương |
| <input type="checkbox"/> Chăm sóc | <input type="checkbox"/> Bảo vệ quá mức | <input type="checkbox"/> Gằn gủi | <input type="checkbox"/> Khác _____ |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Tôn trọng | <input type="checkbox"/> Tôi chăm sóc mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Tình cảm | <input type="checkbox"/> Sợ mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Gây lo lắng | | |

7. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất quan hệ giữa quý vị và cha khi quý vị còn nhỏ:

- | | | | |
|--|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Không có quan hệ gì | <input type="checkbox"/> Ấm áp | <input type="checkbox"/> Nhất quán | <input type="checkbox"/> Khó lường |
| <input type="checkbox"/> Bị ngược đãi | <input type="checkbox"/> Dịu dàng | <input type="checkbox"/> Xa cách/Không liên quan | <input type="checkbox"/> Thường xuyên xung đột |
| <input type="checkbox"/> Lý tưởng hóa | <input type="checkbox"/> Ngọt ngào | <input type="checkbox"/> Giả dối | <input type="checkbox"/> Thoải mái |
| <input type="checkbox"/> Hờ hững | <input type="checkbox"/> Hay tâm sự | <input type="checkbox"/> Căng thẳng | <input type="checkbox"/> Yêu thương |
| <input type="checkbox"/> Chăm sóc | <input type="checkbox"/> Bảo vệ quá mức | <input type="checkbox"/> Gằn gủi | <input type="checkbox"/> Khác _____ |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Tôn trọng | <input type="checkbox"/> Tôi chăm sóc mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Tình cảm | <input type="checkbox"/> Sợ mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Gây lo lắng | | |

8. Nếu cha và/hoặc mẹ không phải là người nuôi dưỡng chính của quý vị, những từ nào sau đây thể hiện đúng nhất mối quan hệ giữa quý vị và (những) người nuôi dưỡng chính của quý vị?

- | | | | |
|--|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Âm áp | <input type="checkbox"/> Nhất quán | <input type="checkbox"/> Khó lường |
| <input type="checkbox"/> Bị ngược đãi | <input type="checkbox"/> Dịu dàng | <input type="checkbox"/> Xa cách/Không liên quan | <input type="checkbox"/> Thường xuyên xung đột |
| <input type="checkbox"/> Lý tưởng hóa | <input type="checkbox"/> Ngọt ngào | <input type="checkbox"/> Giả dối | <input type="checkbox"/> Thoải mái |
| <input type="checkbox"/> Hờ hững | <input type="checkbox"/> Hay tâm sự | <input type="checkbox"/> Căng thẳng | <input type="checkbox"/> Yêu thương |
| <input type="checkbox"/> Chăm sóc | <input type="checkbox"/> Bảo vệ quá mức | <input type="checkbox"/> Gần gũi | <input type="checkbox"/> Khác |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Tôn trọng | <input type="checkbox"/> Tội chăm sóc mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Tình cảm | <input type="checkbox"/> Sợ mẹ | |
| <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Gây lo lắng | | |

9. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về thời thơ ấu của quý vị:

- | | | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Đau khổ | <input type="checkbox"/> Ổn định | <input type="checkbox"/> Khủng hoảng |
| <input type="checkbox"/> Hạnh phúc | <input type="checkbox"/> Lẫn lộn | <input type="checkbox"/> Được chiều chuộng |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Đáng sợ | <input type="checkbox"/> Thú vị |
| <input type="checkbox"/> Tuyệt vời | <input type="checkbox"/> Hỗn loạn | <input type="checkbox"/> Buồn bã |
| <input type="checkbox"/> Lý thú | <input type="checkbox"/> Cô đơn | <input type="checkbox"/> Phong phú |
| <input type="checkbox"/> Bất hạnh | <input type="checkbox"/> An toàn | <input type="checkbox"/> Khó nhớ |
| <input type="checkbox"/> Vô lo | <input type="checkbox"/> Ôm yếu | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

10. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về mối quan hệ giữa cha mẹ hoặc giữa những người nuôi dưỡng chính với nhau khi quý vị còn nhỏ:

- | | | |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Không có quan hệ | <input type="checkbox"/> Yêu thương | <input type="checkbox"/> Lúc tốt lúc xấu |
| <input type="checkbox"/> Ly dị | <input type="checkbox"/> Bạo lực | <input type="checkbox"/> Ủng hộ |
| <input type="checkbox"/> Ly thân | <input type="checkbox"/> Mẫn nguyện | <input type="checkbox"/> Thoải mái |
| <input type="checkbox"/> Gần gũi | <input type="checkbox"/> Thường xuyên xung đột | <input type="checkbox"/> Chịu ảnh hưởng của việc lạm dụng đồ uống có cồn/chất gây nghiện |
| <input type="checkbox"/> Hạnh phúc | <input type="checkbox"/> Gia trưởng/phục tùng | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Vui đùa | <input type="checkbox"/> Căng thẳng | |
| <input type="checkbox"/> Thiếu tin tưởng và nghi ngờ | <input type="checkbox"/> Gắn bó | |
| <input type="checkbox"/> Lạnh nhạt | <input type="checkbox"/> Thù địch | |

11. Quý vị đánh giá khả năng thu xếp cuộc sống của cha mẹ/những người nuôi dưỡng chính của mình như thế nào?

Me hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- Rất tốt
 Tốt
 Được
 Kém
 Không biết

Cha hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- Rất tốt
 Tốt
 Được
 Kém
 Không biết

12. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về tính cách cá nhân của mẹ/người nuôi dưỡng chính khi quý vị còn nhỏ:

- | | | | |
|---|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Hướng ngoại | <input type="checkbox"/> Phê phán quá mức | <input type="checkbox"/> Ích kỷ |
| <input type="checkbox"/> Hay lo | <input type="checkbox"/> Hào phóng | <input type="checkbox"/> Chăm chỉ | <input type="checkbox"/> Khó tha thứ |
| <input type="checkbox"/> Cầu toàn | <input type="checkbox"/> Hung hăng | <input type="checkbox"/> Mềm dẻo | <input type="checkbox"/> Bướng bỉnh |
| <input type="checkbox"/> Gia trưởng | <input type="checkbox"/> Nhút nhát | <input type="checkbox"/> Hải lòng | <input type="checkbox"/> Vô lý |
| <input type="checkbox"/> Tách biệt | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Nghiêm túc | <input type="checkbox"/> Thao túng/Điều khiển |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Bi quan | <input type="checkbox"/> Thương người | <input type="checkbox"/> Bị động |
| <input type="checkbox"/> Lạc quan | <input type="checkbox"/> Thất thường | <input type="checkbox"/> Thân thiện/Thích giao tế | <input type="checkbox"/> Thành kiến |
| <input type="checkbox"/> Bình thản | <input type="checkbox"/> Thông cảm | <input type="checkbox"/> Âm áp | <input type="checkbox"/> Dễ xúc động |
| <input type="checkbox"/> Hung dữ | <input type="checkbox"/> Dễ kích động/lo âu | <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Hay an ủi người khác |
| <input type="checkbox"/> Lạm dụng các chất gây nghiện | <input type="checkbox"/> Vui vẻ/thích chơi đùa | <input type="checkbox"/> Kịch tính | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Lơ đãng | <input type="checkbox"/> Cứng nhắc | <input type="checkbox"/> Dễ cáu | |
| <input type="checkbox"/> Tự tin | <input type="checkbox"/> Tâm trạng bất thường | <input type="checkbox"/> Dễ tính | |
| <input type="checkbox"/> Năng động | | <input type="checkbox"/> Tốt bụng | |

13. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về tính cách cá nhân của cha/người nuôi dưỡng chính khi quý vị còn nhỏ:

- | | | | |
|---|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Hướng ngoại | <input type="checkbox"/> Phê phán quá mức | <input type="checkbox"/> Ích kỷ |
| <input type="checkbox"/> Hay lo | <input type="checkbox"/> Hào phóng | <input type="checkbox"/> Chăm chỉ | <input type="checkbox"/> Khó tha thứ |
| <input type="checkbox"/> Cầu toàn | <input type="checkbox"/> Hung hăng | <input type="checkbox"/> Mềm dẻo | <input type="checkbox"/> Bướng bỉnh |
| <input type="checkbox"/> Gia trưởng | <input type="checkbox"/> Nhút nhát | <input type="checkbox"/> Hải lòng | <input type="checkbox"/> Vô lý |
| <input type="checkbox"/> Tách biệt | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Nghiêm túc | <input type="checkbox"/> Thao túng/Điều khiển |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Bi quan | <input type="checkbox"/> Thương người | <input type="checkbox"/> Bị động |
| <input type="checkbox"/> Lạc quan | <input type="checkbox"/> Thất thường | <input type="checkbox"/> Thân thiện/Thích giao tế | <input type="checkbox"/> Thành kiến |
| <input type="checkbox"/> Bình thản | <input type="checkbox"/> Thông cảm | <input type="checkbox"/> Âm áp | <input type="checkbox"/> Dễ xúc động |
| <input type="checkbox"/> Hung dữ | <input type="checkbox"/> Dễ kích động/lo âu | <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Hay an ủi người khác |
| <input type="checkbox"/> Lạm dụng các chất gây nghiện | <input type="checkbox"/> Vui vẻ/thích chơi đùa | <input type="checkbox"/> Kích thích | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Lơ đãng | <input type="checkbox"/> Cứng nhắc | <input type="checkbox"/> Dễ cáu | _____ |
| <input type="checkbox"/> Tự tin | <input type="checkbox"/> Tâm trạng bất thường | <input type="checkbox"/> Dễ tính | |
| <input type="checkbox"/> Năng động | | <input type="checkbox"/> Tốt bụng | |

14. Ai là người thường kỷ luật quý vị khi quý vị còn nhỏ?

- | | | |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Cha và mẹ bằng nhau | <input type="checkbox"/> Anh chị | <input type="checkbox"/> (Những) người giám hộ pháp định |
| <input type="checkbox"/> Mẹ | <input type="checkbox"/> Ông bà ngoại | <input type="checkbox"/> (Những) người nuôi dưỡng chính |
| <input type="checkbox"/> Cha | <input type="checkbox"/> Ông bà nội | <input type="checkbox"/> Người khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Mẹ kế | <input type="checkbox"/> Cô dì và/hoặc chú bác | |
| <input type="checkbox"/> Cha dượng | <input type="checkbox"/> Cha mẹ nuôi tạm thời | |

15. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất cách mà cha mẹ/người nuôi dưỡng chính thường hay kỷ luật quý vị khi quý vị còn nhỏ:

Me hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Làm xấu hổ |
| <input type="checkbox"/> Nhất quán | <input type="checkbox"/> Cấm đi chơi |
| <input type="checkbox"/> Công bằng | <input type="checkbox"/> Tước bỏ đặc quyền |
| <input type="checkbox"/> Nghiêm khắc | <input type="checkbox"/> Hậu quả hợp lý |
| <input type="checkbox"/> Khoan dung | <input type="checkbox"/> Không cho ăn |
| <input type="checkbox"/> Dọa nhưng không thực hiện | <input type="checkbox"/> Bắt tội về phòng mình |
| <input type="checkbox"/> Thuyết giáo | <input type="checkbox"/> Lờ đi cách xử sự không tốt |
| <input type="checkbox"/> Bất đứng góc tường | <input type="checkbox"/> Cảm giữ về thể xác (ví dụ như trói vào giường) |
| <input type="checkbox"/> Giảng cho tôi điều hơn lẽ thiệt | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Vả vào mông | |
| <input type="checkbox"/> Hình phạt về thể xác (ngoài vả vào mông) | |
| <input type="checkbox"/> Khen cách xử sự tốt | |

Cha hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Làm xấu hổ |
| <input type="checkbox"/> Nhất quán | <input type="checkbox"/> Cấm đi chơi |
| <input type="checkbox"/> Công bằng | <input type="checkbox"/> Tước bỏ đặc quyền |
| <input type="checkbox"/> Nghiêm khắc | <input type="checkbox"/> Hậu quả hợp lý |
| <input type="checkbox"/> Khoan dung | <input type="checkbox"/> Không cho ăn |
| <input type="checkbox"/> Dọa nhưng không thực hiện | <input type="checkbox"/> Bắt tội về phòng mình |
| <input type="checkbox"/> Thuyết giáo | <input type="checkbox"/> Lờ đi cách xử sự không tốt |
| <input type="checkbox"/> Đứng góc tường | <input type="checkbox"/> Cảm giữ về thể xác (ví dụ như trói vào giường) |
| <input type="checkbox"/> Giảng cho tôi điều hơn lẽ thiệt | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Vả vào mông | |
| <input type="checkbox"/> Hình phạt về thể xác (ngoài vả vào mông) | |
| <input type="checkbox"/> Khen cách xử sự tốt | |

16. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất các giá trị mà cha mẹ/người nuôi dưỡng chính của quý vị tôn trọng:

Me hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Yêu nước |
| <input type="checkbox"/> Niềm tin về tôn giáo | <input type="checkbox"/> Trung thực |
| <input type="checkbox"/> Lòng thương người | <input type="checkbox"/> Gia đình gần gũi |
| <input type="checkbox"/> Ý thức xã hội | <input type="checkbox"/> Gia đình hỗ trợ nhau |
| <input type="checkbox"/> Đạo đức làm việc tốt | <input type="checkbox"/> Vị thế xã hội |
| <input type="checkbox"/> Có trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Giáo dục |
| <input type="checkbox"/> Tự do thể hiện | <input type="checkbox"/> Tôn trọng bản thân |
| <input type="checkbox"/> Có cuộc sống cân bằng | <input type="checkbox"/> Độc lập |
| <input type="checkbox"/> Làm cha mẹ | <input type="checkbox"/> Kiếm tiền |
| <input type="checkbox"/> Khác: _____ | <input type="checkbox"/> Chung thủy |
| | <input type="checkbox"/> Lối sống lành mạnh |

Cha hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Yêu nước |
| <input type="checkbox"/> Niềm tin về tôn giáo | <input type="checkbox"/> Trung thực |
| <input type="checkbox"/> Lòng thương người | <input type="checkbox"/> Gia đình gần gũi |
| <input type="checkbox"/> Ý thức xã hội | <input type="checkbox"/> Gia đình hỗ trợ nhau |
| <input type="checkbox"/> Đạo đức làm việc tốt | <input type="checkbox"/> Vị thế xã hội |
| <input type="checkbox"/> Có trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Giáo dục |
| <input type="checkbox"/> Tự do thể hiện | <input type="checkbox"/> Tôn trọng bản thân |
| <input type="checkbox"/> Có cuộc sống cân bằng | <input type="checkbox"/> Độc lập |
| <input type="checkbox"/> Làm cha mẹ | <input type="checkbox"/> Kiếm tiền |
| <input type="checkbox"/> Khác: _____ | <input type="checkbox"/> Chung thủy |
| | <input type="checkbox"/> Lối sống lành mạnh |

17. Các giá trị cá nhân của quý vị so với các giá trị cá nhân của cha mẹ/(những) người nuôi dưỡng chính của quý vị như thế nào?

- | | | |
|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Cơ bản là cùng chia sẻ các giá trị | <input type="checkbox"/> Chia sẻ hầu hết các giá trị | <input type="checkbox"/> Không chia sẻ giá trị nào |
| | <input type="checkbox"/> Chia sẻ một số giá trị | <input type="checkbox"/> Không biết |

18. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất thái độ của cha mẹ/người nuôi dưỡng chính của quý vị về tình dục khi quý vị còn nhỏ:

Me hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không biết | <input type="checkbox"/> Gượng gạo khi nói chuyện về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Cởi mở về tình dục | <input type="checkbox"/> Tin rằng tình dục là tội lỗi |
| <input type="checkbox"/> Thảo luận thoải mái | <input type="checkbox"/> Thái độ tự do về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Giữ nét cũ | <input type="checkbox"/> Thái độ bảo thủ |
| <input type="checkbox"/> Không bao giờ nói chuyện về tình dục | <input type="checkbox"/> Kèm nén về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Không có quan hệ tình dục trước khi cưới | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm trong tình dục |
| <input type="checkbox"/> Lên án đồng tính luyến ái | <input type="checkbox"/> Hiểu biết |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ giáo dục giới tính | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

Cha hoặc Người Nuôi Dưỡng Chính

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không biết | <input type="checkbox"/> Gượng gạo khi nói chuyện về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Cởi mở về tình dục | <input type="checkbox"/> Tin rằng tình dục là tội lỗi |
| <input type="checkbox"/> Thảo luận thoải mái | <input type="checkbox"/> Thái độ tự do về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Giữ nét cũ | <input type="checkbox"/> Thái độ bảo thủ |
| <input type="checkbox"/> Không bao giờ nói chuyện về tình dục | <input type="checkbox"/> Kèm nén về tình dục |
| <input type="checkbox"/> Không có quan hệ tình dục trước khi cưới | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm trong tình dục |
| <input type="checkbox"/> Lên án đồng tính luyến ái | <input type="checkbox"/> Hiểu biết |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ giáo dục giới tính | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

19. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về quý vị khi còn nhỏ (trước tuổi thiếu niên):

- | | | | | | |
|--------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Hạnh phúc | <input type="checkbox"/> Vụng về | <input type="checkbox"/> Có trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Hiểu động | <input type="checkbox"/> Hay óm | <input type="checkbox"/> Trầm lặng |
| <input type="checkbox"/> Thất thường | <input type="checkbox"/> Tự tin | <input type="checkbox"/> Buồn bã | <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Bất an | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Bướng bỉnh | <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Nổi loạn | <input type="checkbox"/> Ngoan ngoãn | _____ |
| <input type="checkbox"/> Bất hạnh | <input type="checkbox"/> Bình thản | <input type="checkbox"/> Lo âu/Dễ kích động | <input type="checkbox"/> Không nghe lời | <input type="checkbox"/> Nhút nhát | _____ |
| <input type="checkbox"/> Hung hăng | <input type="checkbox"/> Nghiêm túc | | <input type="checkbox"/> Hưởng ngoại | <input type="checkbox"/> Tò mò | _____ |
| <input type="checkbox"/> Sợ hãi | <input type="checkbox"/> Hiểu động thái quá | | <input type="checkbox"/> Nghe lời | <input type="checkbox"/> Biết nghĩ | |

20. Đánh dấu vào những ô miêu tả chính xác nhất về quý vị khi ở tuổi thanh thiếu niên:

- | | | | | | |
|--------------------------------------|---|---|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Hạnh phúc | <input type="checkbox"/> Vụng về | <input type="checkbox"/> Có trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Hiểu động | <input type="checkbox"/> Hay óm | <input type="checkbox"/> Trầm lặng |
| <input type="checkbox"/> Thất thường | <input type="checkbox"/> Tự tin | <input type="checkbox"/> Buồn bã | <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Bất an | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Bướng bỉnh | <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Vô trách nhiệm | <input type="checkbox"/> Nổi loạn | <input type="checkbox"/> Ngoan ngoãn | _____ |
| <input type="checkbox"/> Bất hạnh | <input type="checkbox"/> Bình thản | <input type="checkbox"/> Lo âu/Dễ kích động | <input type="checkbox"/> Không nghe lời | <input type="checkbox"/> Nhút nhát | _____ |
| <input type="checkbox"/> Hung hăng | <input type="checkbox"/> Nghiêm túc | | <input type="checkbox"/> Hưởng ngoại | <input type="checkbox"/> Tò mò | _____ |
| <input type="checkbox"/> Sợ hãi | <input type="checkbox"/> Hiểu động thái quá | | <input type="checkbox"/> Nghe lời | <input type="checkbox"/> Biết nghĩ | |

21. Khi còn nhỏ, quý vị thường tâm sự với ai?

- | | | |
|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Mẹ | <input type="checkbox"/> Cha mẹ kế | <input type="checkbox"/> Chuyên gia tư vấn/Giáo viên |
| <input type="checkbox"/> Cha | <input type="checkbox"/> (Những) người nuôi dưỡng chính | <input type="checkbox"/> Bác sĩ tâm lý/Nhà tâm lý học/Cán sự xã hội |
| <input type="checkbox"/> Anh chị em | <input type="checkbox"/> Anh chị em họ | <input type="checkbox"/> Cha cố |
| <input type="checkbox"/> Ông bà | | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Cô dì/Chú bác | | |

22. Khi còn nhỏ hoặc ở tuổi thanh thiếu niên, quý vị có cần tư vấn hay chăm sóc về tâm lý không?

- Không Có
- Nếu có, hãy mô tả ngắn gọn thời điểm và lý do cần chăm sóc: _____
- _____

23. Có vấn đề, sự kiện gây khủng hoảng hay tai nạn nào từ khi còn nhỏ mà đến giờ vẫn làm cho quý vị đau khổ không?

- Không Có
- Nếu có, hãy mô tả ngắn gọn ảnh hưởng hiện tại của vấn đề, sự kiện gây khủng hoảng và/hoặc tai nạn đó đối với quý vị: _____
- _____

24. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất các quan hệ yêu đương đầu tiên của quý vị:

- | | | | |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không yêu đương | <input type="checkbox"/> Kinh khủng | <input type="checkbox"/> Bất thường | <input type="checkbox"/> Hạn chế |
| <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Quá gấp gáp | <input type="checkbox"/> Chịu áp lực | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Không có gì đáng nói | <input type="checkbox"/> Buồn tẻ | <input type="checkbox"/> Đáng sợ | |
| | <input type="checkbox"/> Nhiều người | <input type="checkbox"/> Rất lý thú | |

25. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất các quan hệ tình dục đầu tiên của quý vị:

- | | | | |
|-------------------------------------|---|------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Hạn chế | <input type="checkbox"/> Không có gì đáng nói | <input type="checkbox"/> Đáng sợ | <input type="checkbox"/> Thích thú |
| <input type="checkbox"/> Kinh khủng | <input type="checkbox"/> Bất thường | <input type="checkbox"/> Lẫn lộn | <input type="checkbox"/> Bị lạm dụng |
| <input type="checkbox"/> Gượng gạo | <input type="checkbox"/> Lãng mạn | <input type="checkbox"/> Xấu hổ | <input type="checkbox"/> Chịu áp lực |
| <input type="checkbox"/> Rất lý thú | <input type="checkbox"/> Đáng tiếc | <input type="checkbox"/> Buồn cười | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

26. Nếu trước đây quý vị có kết hôn, (các) quan hệ hôn nhân của quý vị kết thúc như thế nào?

- | | |
|--|---------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Ly dị |
| <input type="checkbox"/> Vợ/chồng chết | <input type="checkbox"/> Hủy bỏ |

27. Nếu trước đây quý vị đã chung sống với bạn tình, (các) quan hệ đó kết thúc như thế nào?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Chấm dứt quan hệ có thỏa thuận pháp lý |
| <input type="checkbox"/> Chấm dứt quan hệ không có thỏa thuận pháp lý | |

28. Nếu quý vị có ly dị hoặc chấm dứt chung sống với bạn tình, đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất ấn tượng của quý vị về sự kiện đó:

- | | | | |
|--|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Đau đớn | <input type="checkbox"/> Điên cuồng | <input type="checkbox"/> Sự giải thoát |
| <input type="checkbox"/> Dễ dàng | <input type="checkbox"/> Không công bằng | <input type="checkbox"/> Bị bức bối | <input type="checkbox"/> Kéo dài mệt mỏi |
| <input type="checkbox"/> Đắt đỏ | <input type="checkbox"/> Cay đắng | <input type="checkbox"/> Công bằng | <input type="checkbox"/> Đau buồn |
| <input type="checkbox"/> Đáng sợ | <input type="checkbox"/> Hòa thuận | <input type="checkbox"/> Gây khủng hoảng | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

29. Nếu quý vị đã ly dị hoặc chấm dứt chung sống với bạn tình, đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất quan hệ hiện nay của quý vị với vợ/chồng/bạn tình cũ của mình:

- | | | | |
|--|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Yêu thương | <input type="checkbox"/> Xa cách | <input type="checkbox"/> Gần gũi |
| <input type="checkbox"/> Hung bạo | <input type="checkbox"/> Thù địch | <input type="checkbox"/> Dè dặt | <input type="checkbox"/> Hợp tác |
| <input type="checkbox"/> Lạnh lẽo | <input type="checkbox"/> Thoải mái | <input type="checkbox"/> Đầy xung đột | <input type="checkbox"/> Lịch sự |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Vẫn là bạn | <input type="checkbox"/> Gây bức bối | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

30. Quý vị đã từng bao giờ có tranh chấp về quyền nuôi con chưa?

- Chưa Có

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

31. Quý vị đã quen với vợ/chồng/bạn tình hiện nay bao nhiêu lâu trước khi kết hôn hoặc bắt đầu chung sống với nhau?

- | | | | |
|---|---------------------------------------|--------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Dưới một năm | <input type="checkbox"/> 3 đến 4 năm | <input type="checkbox"/> 8 đến 12 năm |
| <input type="checkbox"/> Dưới sáu tháng | <input type="checkbox"/> 1 đến 2 năm | <input type="checkbox"/> 5 đến 7 năm | <input type="checkbox"/> 13 năm hoặc hơn |

32. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất tính tình của vợ/chồng/bạn tình hiện nay của quý vị:

- | | | | | |
|---|---|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Suy nghĩ rành mạch | <input type="checkbox"/> Bất hạnh | <input type="checkbox"/> Thiếu quan tâm | <input type="checkbox"/> Chu đáo |
| <input type="checkbox"/> Xa cách | <input type="checkbox"/> Hay đùa | <input type="checkbox"/> Thích giao tế | <input type="checkbox"/> Thích chơi thể thao | <input type="checkbox"/> Sùng đạo |
| <input type="checkbox"/> Thích ganh đua | <input type="checkbox"/> Hay tranh cãi | <input type="checkbox"/> Biết ơn | <input type="checkbox"/> Hay bới lông tìm vết | <input type="checkbox"/> Biết nghĩ |
| <input type="checkbox"/> Khó tha thứ | <input type="checkbox"/> Vui vẻ | <input type="checkbox"/> Tham công việc | <input type="checkbox"/> Hay bới lông tìm vết | <input type="checkbox"/> Hay châm biếm |
| <input type="checkbox"/> Thương người | <input type="checkbox"/> Tình cảm | <input type="checkbox"/> Linh hoạt | <input type="checkbox"/> Trung thực | <input type="checkbox"/> Thông cảm |
| <input type="checkbox"/> Cần thận | <input type="checkbox"/> Thành kiến | <input type="checkbox"/> Lãng mạn | <input type="checkbox"/> Hướng nội | <input type="checkbox"/> Giáo điều |
| <input type="checkbox"/> Tâm trạng bất thường | <input type="checkbox"/> Lạm dụng | <input type="checkbox"/> Dễ xúc động | <input type="checkbox"/> Nóng tính | <input type="checkbox"/> Bướng bỉnh |
| <input type="checkbox"/> Đáng tin cậy | <input type="checkbox"/> Hào phóng | <input type="checkbox"/> Hay lo | <input type="checkbox"/> Trầm uất | <input type="checkbox"/> Bốc đồng |
| <input type="checkbox"/> Cứng nhắc | <input type="checkbox"/> Thân thiện | <input type="checkbox"/> Khoan dung | <input type="checkbox"/> Có khiếu hài hước | <input type="checkbox"/> Ích kỷ |
| <input type="checkbox"/> Ủng hộ | <input type="checkbox"/> Gia trưởng | <input type="checkbox"/> Tốt bụng | <input type="checkbox"/> Dịu dàng | <input type="checkbox"/> Dễ đoán |
| <input type="checkbox"/> Khác: _____ | <input type="checkbox"/> Cởi mở | <input type="checkbox"/> Biết lắng nghe | | <input type="checkbox"/> Lo âu |
| | <input type="checkbox"/> Năng động | <input type="checkbox"/> Thông minh | | |

33. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất các vai trò của quý vị trong mỗi quan hệ này:

- | | | | |
|---|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Người hòa giải | <input type="checkbox"/> Người quyết định | <input type="checkbox"/> Người quản lý |
| <input type="checkbox"/> Chủ gia đình | <input type="checkbox"/> Người an ủi | <input type="checkbox"/> Người lý trí | <input type="checkbox"/> Người chăm lo gia đình |
| <input type="checkbox"/> Lãnh đạo | <input type="checkbox"/> Người chấp nhận rủi ro | <input type="checkbox"/> Người tổ chức | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Người tình cảm | <input type="checkbox"/> Người quản lý tiền nong | <input type="checkbox"/> Người thỏa hiệp | |
| <input type="checkbox"/> Người sắp xếp sinh hoạt cho gia đình | <input type="checkbox"/> Người kiểm tiền | <input type="checkbox"/> Người săn sóc | |
| <input type="checkbox"/> Người chủ động | | <input type="checkbox"/> Người làm theo | |
| | | <input type="checkbox"/> Người đàm phán | |

34. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất các vai trò của vợ/chồng/bạn tình của quý vị trong mỗi quan hệ:

- | | | | |
|---|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Người hòa giải | <input type="checkbox"/> Người quyết định | <input type="checkbox"/> Người quản lý |
| <input type="checkbox"/> Chủ gia đình | <input type="checkbox"/> Người an ủi | <input type="checkbox"/> Người lý trí | <input type="checkbox"/> Người chăm lo gia đình |
| <input type="checkbox"/> Lãnh đạo | <input type="checkbox"/> Người chấp nhận rủi ro | <input type="checkbox"/> Người tổ chức | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Người tình cảm | <input type="checkbox"/> Người quản lý tiền nong | <input type="checkbox"/> Người thỏa hiệp | |
| <input type="checkbox"/> Người sắp xếp sinh hoạt cho gia đình | <input type="checkbox"/> Người kiểm tiền | <input type="checkbox"/> Người săn sóc | |
| <input type="checkbox"/> Người chủ động | | <input type="checkbox"/> Người làm theo | |
| | | <input type="checkbox"/> Người đàm phán | |

35. Quý vị và vợ/chồng/bạn tình cãi nhau nhiều hay ít?

- | | | |
|--|---|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Một hoặc hai lần một năm | <input type="checkbox"/> Hầu như hàng ngày |
| <input type="checkbox"/> Không bao giờ | <input type="checkbox"/> Một hoặc hai lần một tháng | <input type="checkbox"/> Mỗi ngày một lần |
| <input type="checkbox"/> Ít khi | <input type="checkbox"/> Một hoặc hai lần một tuần | <input type="checkbox"/> Mỗi ngày vài lần |

36. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất các vấn đề bất đồng chính giữa quý vị và vợ/chồng/bạn tình:

- | | | | |
|--|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Thói quen cá nhân | <input type="checkbox"/> Quan hệ tình dục | <input type="checkbox"/> Bạn bè |
| <input type="checkbox"/> Kỷ luật với con cái | <input type="checkbox"/> Việc nhà | <input type="checkbox"/> Chính trị | <input type="checkbox"/> Thời gian giải trí |
| <input type="checkbox"/> Tôn giáo | <input type="checkbox"/> Công việc | <input type="checkbox"/> Giá trị đạo đức | <input type="checkbox"/> Các hoạt động chung |
| <input type="checkbox"/> Rượu/ma túy | <input type="checkbox"/> Họ hàng bên vợ/chồng | <input type="checkbox"/> Các hoạt động riêng biệt | <input type="checkbox"/> Thời gian với nhau |
| <input type="checkbox"/> Sự gần gũi về tình cảm | <input type="checkbox"/> Xa cách về tình cảm | <input type="checkbox"/> Thời gian xa nhau | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |
| <input type="checkbox"/> Tham gia vào cuộc sống gia đình | <input type="checkbox"/> Tiền bạc | <input type="checkbox"/> Du lịch | |
| | | <input type="checkbox"/> Mong đợi cá nhân | |

37. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất cách quý vị thường phản ứng khi có bất đồng lớn với vợ/chồng/bạn tình:

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Đồng ý là có bất đồng |
| <input type="checkbox"/> Đạt được thỏa thuận bằng sự thỏa hiệp | <input type="checkbox"/> Thỉnh thoảng la hét |
| <input type="checkbox"/> Dành thời gian suy nghĩ trước khi thảo luận | <input type="checkbox"/> Đi ra khỏi nhà để dịu bớt |
| <input type="checkbox"/> Nhượng bộ và cố gắng để mọi chuyện êm đẹp | <input type="checkbox"/> Im lặng |
| <input type="checkbox"/> Tìm sự hỗ trợ từ bên ngoài như chuyên gia tư vấn tâm lý, cha cố | <input type="checkbox"/> Cố gắng tỏ ra thông minh hơn vợ/chồng/bạn tình |
| <input type="checkbox"/> Thỉnh thoảng đập phá đồ đạc | <input type="checkbox"/> Có va chạm về thể xác (xô, đẩy, đánh) |
| <input type="checkbox"/> Thay đổi chủ đề câu chuyện | <input type="checkbox"/> Khác: _____ |

38. Quý vị và vợ/chồng/bạn tình hòa hợp về tình dục như thế nào?

- | | | |
|--|--------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> Hòa hợp | <input type="checkbox"/> Không hòa hợp lắm |
| <input type="checkbox"/> Rất hòa hợp | <input type="checkbox"/> Khá hòa hợp | <input type="checkbox"/> Không hòa hợp |

39. Quý vị và vợ/chồng/bạn tình của quý vị đã từng có thời gian khó khăn nào đe dọa đến quan hệ của quý vị chưa?

- Chưa
 Có
 Không áp dụng

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

40. Quý vị và vợ/chồng/bạn tình đã từng bao giờ ly thân chưa?

- Chưa
 Có
 Không áp dụng

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

41. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất quan hệ hiện nay giữa quý vị và cha mẹ:

Quan hệ với Mẹ:

- Mẹ đã chết
 Không liên hệ
 Rạn nứt
 Xa cách
 Quan tâm
 Căng thẳng về mặt tình cảm
 Dễ dàng
 Đối nghịch
 Thông cảm
 Hay cãi cọ
 Thao túng
 Tích cực
 Ủng hộ
- Phụ thuộc
 Yêu thương
 Rất gần gũi
 Thoải mái
 Nhúng tay quá nhiều
 Không tham gia đủ
 Lúc tốt, lúc không
 Có vấn đề
 Rất thú vị
 Đang tiến triển
 Thỏa mãn
 Tôi là người nuôi dưỡng
 Khác: _____

Quan hệ với Cha:

- Cha đã chết
 Không liên hệ
 Rạn nứt
 Xa cách
 Quan tâm
 Căng thẳng về mặt tình cảm
 Dễ dàng
 Đối nghịch
 Thông cảm
 Hay cãi cọ
 Thao túng
 Tích cực
 Ủng hộ
- Phụ thuộc
 Yêu thương
 Rất gần gũi
 Thoải mái
 Nhúng tay quá nhiều
 Không tham gia đủ
 Lúc tốt, lúc không
 Có vấn đề
 Rất thú vị
 Đang tiến triển
 Thỏa mãn
 Tôi là người nuôi dưỡng
 Khác: _____

42. Quý vị cảm thấy các thành viên trong đại gia đình mình (sẽ) giúp đỡ và ủng hộ mình như thế nào trong việc làm cha mẹ?

Bên gia đình quý vị

- Tất cả các thành viên gia đình đều giúp đỡ và ủng hộ
 Hầu hết tất cả đều giúp đỡ và ủng hộ
 Khoảng nửa số thành viên giúp đỡ và ủng hộ
 Ít thành viên gia đình giúp đỡ và ủng hộ
 Không thành viên gia đình nào giúp đỡ và ủng hộ

Bên gia đình vợ/chồng hoặc bạn tình

- Không áp dụng
 Tất cả các thành viên gia đình đều giúp đỡ và ủng hộ
 Hầu hết tất cả đều giúp đỡ và ủng hộ
 Khoảng nửa số thành viên giúp đỡ và ủng hộ
 Ít thành viên gia đình giúp đỡ và ủng hộ
 Không thành viên gia đình nào giúp đỡ và ủng hộ

43. Ở một số gia đình, quan hệ trong gia đình bị ảnh hưởng do có quan điểm khác biệt về những vấn đề như lối sống, các giá trị cá nhân, tôn giáo, vị thế kinh tế/xã hội, khuynh hướng tình dục, chính trị vv... Vấn đề này ở gia đình quý vị như thế nào?

- Những vấn đề này không ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình tôi
 Những vấn đề này hiếm khi ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình tôi
 Những vấn đề này đôi khi ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình tôi
 Những vấn đề này thường xuyên ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình tôi

44. Các thành viên đại gia đình của bạn có thoải mái khi nói chuyện với trẻ em hay có trẻ em xung quanh mình không?

Bên gia đình quý vị

- Tất cả các thành viên gia đình đều thoải mái
 Hầu hết tất cả thấy thoải mái
 Khoảng nửa số thành viên thấy thoải mái
 Ít thành viên thấy thoải mái
 Không thành viên gia đình nào thấy thoải mái

Bên gia đình vợ/chồng hoặc bạn tình

- Không áp dụng
 Tất cả các thành viên gia đình đều thoải mái
 Hầu hết tất cả thấy thoải mái
 Khoảng nửa số thành viên thấy thoải mái
 Ít thành viên thấy thoải mái
 Không thành viên gia đình nào thấy thoải mái

45. Liệt kê các anh chị em của quý vị theo mức độ gần gũi hoặc xa cách trong quan hệ đối với họ:

- Tôi không có anh chị em
 Tôi rất gần gũi với: _____
 Tôi khá gần gũi với: _____
 Tôi xa cách với: _____
 Tôi có xung đột với: _____

46. Các thành viên trong gia đình trực tiếp cũng như những người trong đại gia đình của quý vị có khả năng tiếp nhận hoàn toàn một đứa trẻ không có quan hệ ruột thịt vào trong gia đình mình như thế nào?

- Tất cả các thành viên gia đình đều có thể tiếp nhận hoàn toàn
- Hầu hết tất cả đều có thể tiếp nhận hoàn toàn
- Khoảng nửa số thành viên có thể tiếp nhận hoàn toàn
- Ít thành viên gia đình có thể tiếp nhận hoàn toàn
- Không thành viên gia đình nào có thể tiếp nhận hoàn toàn

47. Ngoài gia đình quý vị, có bao nhiêu người trong đời quý vị sẵn sàng và có khả năng hỗ trợ quý vị làm cha/mẹ?

- Có rất nhiều người trong đời tôi sẵn sàng và có thể hỗ trợ
- Có một vài người trong đời tôi sẵn sàng và có thể hỗ trợ
- Có một số người đặc biệt trong đời tôi sẵn sàng và có thể hỗ trợ
- Có một người trong đời tôi sẵn sàng và có thể hỗ trợ
- Không có người nào trong đời tôi sẵn sàng và có thể hỗ trợ

48. Ngoài gia đình quý vị, có bao nhiêu người trong đời quý vị gây cho quý vị xung đột và/hoặc căng thẳng nghiêm trọng?

- Có rất nhiều người trong đời tôi gây cho tôi xung đột và căng thẳng nghiêm trọng
- Có một vài người trong đời tôi gây cho tôi xung đột và căng thẳng nghiêm trọng
- Có một số người đặc biệt trong đời tôi gây cho tôi xung đột và căng thẳng nghiêm trọng
- Có một người trong đời tôi gây cho tôi xung đột và căng thẳng nghiêm trọng
- Không có người nào trong đời tôi gây cho tôi xung đột và căng thẳng nghiêm trọng

49. Đánh dấu các ô miêu tả chính xác nhất việc quý vị tham gia vào cộng đồng như thế nào:

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Không có bạn bè nào để xã giao | <input type="checkbox"/> Thường xuyên đi nhà thờ |
| <input type="checkbox"/> Có một số bạn bè để xã giao | <input type="checkbox"/> thỉnh thoảng đi nhà thờ |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều bạn bè để xã giao | <input type="checkbox"/> Ít khi/không bao giờ tham gia các hoạt động tôn giáo |
| <input type="checkbox"/> Thường xuyên tham gia vào các tổ chức xã hội | <input type="checkbox"/> Tích cực tham gia các tổ chức cộng đồng |
| <input type="checkbox"/> thỉnh thoảng tham gia vào các tổ chức xã hội | <input type="checkbox"/> thỉnh thoảng tham gia các tổ chức cộng đồng |
| <input type="checkbox"/> Ít khi tham gia vào các tổ chức xã hội | <input type="checkbox"/> Không tham gia các tổ chức cộng đồng |
| <input type="checkbox"/> Tích cực hoạt động chính trị | |
| <input type="checkbox"/> Khác: _____ | |

50. Nếu quý vị làm việc không phải tại nhà riêng, quý vị làm việc bao nhiêu giờ một tuần?

- | | | |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không áp dụng | <input type="checkbox"/> 20 – 30 giờ | <input type="checkbox"/> 41 – 50 giờ |
| <input type="checkbox"/> Dưới 20 giờ | <input type="checkbox"/> 31 – 40 giờ | <input type="checkbox"/> Trên 50 giờ |

51. Nếu quý vị làm việc không phải tại nhà riêng, quý vị đã làm công việc hiện tại bao nhiêu lâu rồi?

- Không áp dụng _____ năm và _____ tháng

52. Cho dù quý vị làm việc tại nhà hay không phải tại nhà, quý vị có thích công việc của mình không?

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không | <input type="checkbox"/> Thường xuyên |
| <input type="checkbox"/> thỉnh thoảng | <input type="checkbox"/> Luôn luôn |

53. Quý vị đã từng bao giờ bị đuổi việc chưa?

- Chưa
- Có

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

54. Quý vị có dự định thay đổi gì về sự nghiệp hay công việc trong tương lai gần không?

- Không
- Có

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

55. Tình trạng sức khỏe nói chung của quý vị như thế nào?

- Rất tốt
 Tốt
 Trung bình
 Kém
 Nếu trung bình hoặc kém, xin miêu tả: _____

56. Quý vị đã từng nằm viện hoặc phải phẫu thuật chưa?

- Chưa
 Có

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

57. Hiện nay quý vị có dùng loại thuốc nào không?

- Không
 Có

Nếu có, xin miêu tả ngắn gọn: _____

58. Quý vị hoặc ai trong gia đình quý vị đã có các bệnh trạng sau đây bao giờ chưa? Chỉ rõ thành viên gia đình nào bằng cách sử dụng các mã số sau, ghi mã số thích hợp phía trước bệnh trạng:

1 = Bản thân quý vị 2 = Cha/mẹ 3 = Anh chị em 4 = Con 5 = Vợ/chồng hoặc bạn tình

- | | | |
|--|----------------------------------|-------------------------------------|
| _____ Tiểu đường | _____ Viêm khớp | _____ Đau đầu thường xuyên |
| _____ Cao huyết áp | _____ Ung thư | _____ Hen suyễn |
| _____ Loét bao tử | _____ Viêm ruột kết | _____ Dị ứng |
| _____ Khiếm thính | _____ Thị lực kém | _____ Thiếu máu dạng hồng huyết cầu |
| _____ Bệnh thận | _____ Mất ngủ | _____ lưỡi liềm |
| _____ Bệnh tim | _____ Cholesterol cao | _____ Lao |
| _____ Bệnh tuyến giáp | _____ Chậm phát triển về trí tuệ | _____ Nghiện rượu |
| _____ Nghiện ma túy | _____ Rối loạn về ăn uống | _____ Lo âu/Cơn sợ hãi |
| _____ Trầm cảm | _____ Bệnh lưỡng cực | _____ Tâm thần phân liệt |
| _____ Hội Chứng Thiếu Tập Trung (ADD) | _____ Vô sinh | _____ Bệnh lây qua đường tình dục |
| _____ (Các) bệnh khác không nêu ở đây: _____ | _____ Động kinh | |

Tôi xin xác nhận rằng thông tin ghi trong bảng hỏi này là chính xác theo sự hiểu biết tốt nhất của tôi.

Chữ ký

Ngày

